

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v: Phê duyệt Dự án đầu tư “Quản lý thiên tai” (VN-Haz) do WB tài trợ.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH 11 ngày 26/11/2003, số 38/2009/QH12 ngày 19/06/2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức; số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009, số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về quản lý đầu tư xây dựng công trình; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 và số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 30/07/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 131/2006/NĐ-CP về ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 07/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức ODA;

Căn cứ Quyết định 48/2008/QĐ-TTg ngày 03/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức của nhóm 5 Ngân hàng (Ngân hàng phát triển Châu Á, Cơ quan phát triển Pháp, Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng tái thiết Đức, Ngân hàng Thế giới);

Căn cứ Văn bản số 257/TTg-QHQT ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dự án Quản lý thiên tai, vay vốn Ngân hàng Thế giới với các nội dung như đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 350/BKHĐT-KTĐN ngày 19/01/2012;

Căn cứ Quyết định số 2158/QĐ-BNN-HTQT ngày 11/8/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT cho phép chuẩn bị đầu tư và giao nhiệm vụ chủ dự án

Quản lý thiên tai; Quyết định số 990/QĐ-BNN-TCTL ngày 17/5/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc phê duyệt đề cương, tổng dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư, Dự án Quản lý thiên tai Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Hợp phần 2 “Tăng cường hệ thống dự báo thời tiết và cảnh báo sớm” thuộc Dự án Quản lý thiên tai;

Căn cứ Biên bản ghi nhớ Đoàn thẩm định dự án Quản lý thiên tai của WB từ ngày 12-23 tháng 3 năm 2012;

Căn cứ Văn bản cam kết bố trí vốn đối ứng cho dự án của UBND tỉnh Thanh Hoá (số 6591/UBND-KTTC ngày 30/9/2011), UBND tỉnh Nghệ An (số 5749/UBND-NN ngày 30/9/2011), UBND tỉnh Hà Tĩnh (số 3276/UBND-NL ngày 29/9/2011), UBND tỉnh Quảng Bình (Số 1903/UBND ngày 30/9/2011), UBND tỉnh Quảng Trị (số 2574/UBND-CN ngày 29/9/2011) UBND thành phố Đà Nẵng (Số 6048/UBND-KTN ngày 29/9/2011), UBND tỉnh Quảng Nam (số 3593/UBND-KTN ngày 04/10/2011), UBND tỉnh Quảng Ngãi (số 2777/UBND-UBND ngày 30/9/2011), UBND tỉnh Bình Định (số 3195/UBND-KTN ngày 29/9/2011 và UBND tỉnh Ninh Thuận (số 4075/UBND-TH ngày 04/10/2011) và Công văn của Bộ Tài nguyên và Môi trường số 3687/BTNMT-KH ngày 05/10/2011;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý trung ương các dự án thủy lợi tại Tờ trình số 756/TTr-CPO-WB5 ngày 04/6/2012 về việc trình Bộ NN&PTNT phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Quản lý thiên tai; và Báo cáo thẩm định số 420/HTQT-ĐP ngày 06/6/2012 của Vụ Hợp tác quốc tế thẩm định dự án Quản lý thiên tai;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư “Quản lý thiên tai” (Tài liệu dự án kèm theo) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. **Tên dự án:** Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz) WB5.
2. **Tên nhà tài trợ:** Ngân hàng Thế giới (WB).
3. **Cơ quan chủ quản:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4. **Chủ dự án.**
  - Ban Quản lý trung ương các dự án Thủy lợi (CPO) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) là chủ đầu tư các hợp phần 1, 3, 4 và 5.
  - Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường là chủ đầu tư hợp phần 2.
5. **Tổ chức tư vấn lập dự án:** Viện kỹ thuật Tài nguyên nước thuộc Trường Đại học Thủy lợi.

**6. Chủ nhiệm lập dự án:** Nguyễn Cao Đơn.

**7. Phạm vi dự án.**

- Hợp phần 1, 3, 4: Triển khai tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Ninh Thuận và một số cơ quan trung ương.
- Hợp phần 2: Toàn quốc.

**8. Thời gian thực hiện dự án:** từ 2012 đến 2017.

**9. Mục tiêu và các nội dung đầu tư chủ yếu.**

**a) Mục tiêu dài hạn.**

Hỗ trợ thực hiện chiến lược phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của Chính phủ thông qua việc tăng cường khả năng tự phòng ngừa, ứng phó và phục hồi, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai của một số tỉnh duyên hải miền Trung trong vùng dự án (gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Bình Định và Ninh Thuận), đảm bảo phát triển bền vững, góp phần ổn định xã hội.

**b) Mục tiêu ngắn hạn.**

- Tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý rủi ro thiên tai quốc gia, của tỉnh và của địa phương để cải thiện việc lập kế hoạch và giảm thiểu các rủi ro, qua đó giảm tổn thất về người, giảm hư hỏng về tài sản và giảm sự gián đoạn của các hoạt động kinh tế.

- Cải thiện hệ thống dự báo thời tiết và cảnh báo sớm nhằm tăng cường năng lực cho các đơn vị dự báo khí tượng thủy văn trực thuộc Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, giúp thu thập, xử lý và phổ biến thông tin, tạo điều kiện cho mọi người dân có thể ứng phó kịp thời và hiệu quả hơn, nhằm giảm nhẹ các thiệt hại do thiên tai và thích ứng được các điều kiện thời tiết một cách tốt hơn.

- Xây dựng năng lực cấp làng và xã để hỗ trợ thực hiện chương trình Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Giảm các rủi ro do thiên tai ở các vùng ưu tiên cao, thông qua việc bố trí các biện pháp công trình hiệu quả, các đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở quy mô vừa và nhỏ.

- Nâng cao năng lực quản lý và thực thi dự án, quản lý môi trường, xã hội trong công tác quản lý thiên tai tổng hợp.

**c) Các nội dung đầu tư chủ yếu.**

Nội dung, quy mô và danh mục các hạng mục đầu tư (không bao gồm Hợp phần 2) như Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Dự án được chia thành 05 hợp phần với các nội dung chủ yếu như sau:

*Hợp phần 1: Tăng cường thể chế, hệ thống thông tin và quy hoạch trong Quản lý rủi ro thiên tai.*

- Tăng cường năng lực: Tăng cường năng lực của các tổ chức quản lý rủi ro thiên tai (DRM), bao gồm: (i) xúc tiến các cuộc họp phối hợp giữa các Bộ, đối thoại chính sách và cơ chế chia sẻ kiến thức, (ii) nghiên cứu thành lập Trung tâm quản lý thiên tai cấp tỉnh và hỗ trợ các cơ quan quản lý thiên tai cấp tỉnh (iii) Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, tăng cường năng lực cho các cơ quan nhà nước ở các cấp độ khác nhau.

- Cải tiến hệ thống thông tin quản lý rủi ro thiên tai: Nâng cao năng lực, hài hòa hóa, phối hợp và chia sẻ cơ sở dữ liệu DRM, bao gồm: (i) cập nhật và hài hòa hóa các cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin DRM hiện hành, (ii) tiến hành kiểm kê các hồ chứa quy mô nhỏ và trung bình ở các tỉnh, các tiêu chuẩn an toàn, hướng dẫn an toàn và quy trình hoạt động; (iii) triển khai phần mềm quản lý các hồ chứa sử dụng ở cấp quốc gia và cấp tỉnh và (iv) cung cấp hỗ trợ kỹ thuật sử dụng các cơ sở dữ liệu, phần mềm và thực hiện các hướng dẫn an toàn.

- Hỗ trợ lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai với quy hoạch lưu vực: lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai vào quy hoạch lưu vực gồm: (i) hỗ trợ việc thu thập dữ liệu và đánh giá mức độ ảnh hưởng, rủi ro và tính tổn thương ở quy mô lưu vực; (ii) hỗ trợ xác định khu vực dễ bị tổn thương và các biện pháp công trình, phi công trình nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai và (ii) xây dựng năng lực sử dụng các mô hình thủy văn và hệ thống thông tin địa lý cho các cán bộ quản lý rủi ro thiên tai tại cấp tỉnh.

#### *Hợp phần 2: Tăng cường dự báo thời tiết và hệ thống cảnh báo sớm.*

- Hỗ trợ kỹ thuật cho phát triển và triển khai hệ thống cảnh báo sớm và dự báo khí tượng thủy văn quốc gia lồng ghép với các ứng dụng “End-to-End”: Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho thiết kế, các hướng dẫn tổng thể và thực hiện một hệ thống tích hợp toàn quốc, cụ thể là: (i) phân tích khung khung thể chế, yêu cầu năng lực cán bộ và chuẩn bị ý tưởng hoạt động cho các hệ thống cảnh báo sớm và dự báo khí tượng thủy văn (ii) cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho duy trì và hoạt động của phần cứng và phần mềm dự báo thời tiết và hệ thống cảnh báo sớm theo các ý niệm hoạt động được triển khai trong khuôn khổ hạng mục a (i) Phần 2 của dự án, (iii) cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho thiết bị và khả năng hoạt động liên mạng lưới quan trắc và giám sát; (iv) hỗ trợ cho sự phát triển và thử nghiệm một mô hình khí tượng thủy văn bền vững; (v) tăng cường tương tác người dùng, chia sẻ thông tin và dữ liệu về khí hậu thông qua thành lập một diễn đàn người dùng cấp quốc gia và tổ chức các khóa học và đào tạo vừa làm vừa học cho các nhà quản lý và (vi) tăng cường các hệ thống “End-to-End” thông qua việc đào tạo về cách sử dụng các sản phẩm cảnh báo sớm cho nhân viên có liên quan và cộng đồng, thành lập ba trung tâm khí tượng thủy văn vùng, cải thiện sản phẩm và dịch vụ và thông tin liên lạc giữa các dịch vụ khí tượng thủy văn và người sử dụng, ứng dụng về các công cụ dự báo, triển khai các sản phẩm phù hợp người sử dụng trong các lĩnh vực như nông nghiệp, du lịch, giao thông vận tải, năng lượng và quản lý tài nguyên nước.

- Tăng cường mạng lưới giám sát và quan trắc khí tượng thủy văn, phần cứng máy tính, thông tin và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin: cung cấp hỗ trợ

cho việc thành lập hệ thống cảnh báo sớm về các loại hiểm họa, bao gồm cả việc cung cấp các hỗ trợ cho: (i) cài đặt các mạng lưới giám sát tự động và hệ thống thông tin liên lạc và (ii) các hoạt động liên quan xây dựng năng lực.

- Giám sát và đánh giá: thành lập và thực hiện một hệ thống giám sát và đánh giá cho phần 2 của dự án.

(Chi tiết các nội dung đầu tư nêu tại Quyết định số 777/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Hợp phần 2 “Tăng cường hệ thống dự báo thời tiết và cảnh báo sớm”).

#### *Hợp phần 3: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM).*

- Tăng cường thể chế cấp xã: tăng cường năng lực các bên liên quan cấp xã, các cơ quan lập kế hoạch và tham gia vào một loạt các biện pháp giảm thiểu rủi ro, bao gồm cả cung cấp hỗ trợ cho: (i) cải tiến các thủ tục quản lý rủi ro thiên tai và lũ lụt cấp xã; (ii) xây dựng năng lực cho lãnh đạo các cơ quan quản lý cộng đồng; (iii) hỗ trợ phát triển diễn đàn liên xã; (iv) triển khai quy hoạch phục hồi cộng đồng và (v) tăng cường quan hệ đối tác khu vực tư nhân.

- Cung cấp hỗ trợ cho các biện pháp giảm thiểu rủi ro, bao gồm cung cấp hỗ trợ cho việc thực hiện: (i) các biện pháp công trình bao gồm xây dựng các công trình quy mô nhỏ như nhà tránh trú bão đa mục đích hoặc đường sơ tán, chuẩn bị kế hoạch và thiết kế các biện pháp phòng chống cũng như kế hoạch vận hành, quản lý và bảo dưỡng của từng công trình; và (ii) các biện pháp khác bao gồm tập sơ tán, nâng cao nhận thức quần chúng, truyền thông và hệ thống cảnh báo sớm, thiết bị liên quan, và hội thảo có sự tham gia.

- Hợp phần 3 được thực hiện trên 100 xã, trong đó 27 xã thực hiện giai đoạn 1 và 73 xã thực hiện trong giai đoạn 2 (Phần I của Phục lục đính kèm).

#### *Hợp phần 4: Đầu tư giảm nhẹ rủi ro thiên tai.*

Xác định ưu tiên và thực hiện đầu tư DRM cho các tỉnh thuộc vùng dự án, trong đó ưu tiên đầu tư cho bốn lưu vực sông được lựa chọn (sông Mã, Cả, Vu Gia – Thu Bồn, Trà Khúc – Trà Bồng) bao gồm tu bổ các đập và hồ chứa được lựa chọn để nâng cao tính an toàn, đường cứu hộ và cầu, công trình bảo vệ bờ sông và bờ biển, cảng tránh trú bão.

Các tiêu dự án xây dựng cở sở hạ tầng của hợp phần này được chia thành 2 giai đoạn đầu tư. Giai đoạn 1 gồm 6 tiêu dự án triển khai ngay từ năm đầu thuộc 5 tỉnh (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam và Bình Định). Giai đoạn 2 gồm 29 tiêu dự án tiềm năng. (Phần II của Phục lục đính kèm).

Áp dụng thiết kế hai bước (Thiết kế cơ sở; thiết kế bản vẽ thi công) đối với các tiêu dự án xây dựng công trình.

#### *Hợp phần 5: Quản lý Dự án, Giám sát và đánh giá.*

- Quản lý dự án: Cung cấp hỗ trợ cho Ban chỉ đạo dự án (PSC), Văn phòng Quản lý dự án Trung ương (CPMO), Ban Quản lý dự án tỉnh (PPMU) và các cơ quan quản lý dự án, thực hiện và giám sát dự án khác.

- Theo dõi và Đánh giá: cung cấp hỗ trợ cho việc thành lập và thực hiện hệ thống đánh giá và giám sát hiệu quả.

## 10. Tổng mức đầu tư.

Tổng mức đầu tư của dự án: 3.780 tỷ đồng (Tương đương 180 triệu USD)

*Trong đó:*

- Vốn vay WB: 150 triệu USD.
- Vốn đối ứng: 630 tỷ đồng (Tương đương 30 triệu USD).  
(Tỷ giá áp dụng 1 USD=21.000 VNĐ).

Phân bổ nguồn lực của dự án như sau (USD):

TT	Hạng mục	Vốn vay WB	Vốn Đối ứng	Tổng cộng
1	Hợp phần 1	5.500.000		5.500.000
2	Hợp phần 2	27.500.000	2.500.000	30.000.000
3	Hợp phần 3	18.500.000	1.000.000	19.500.000
4	Hợp phần 4	92.500.000	24.500.000	117.000.000
5	Hợp phần 5	6.000.000	2.000.000	8.000.000
<b>Cộng</b>		<b>150.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>180.000.000</b>

Nguồn vốn của dự án:

Tính theo USD (triệu USD)				Tính theo VND (tỷ đồng)			
Vốn WB	Vốn đối ứng			Vốn WB	Vốn đối ứng		
	Trung ương	Địa phương	Cộng		Trung ương	Địa phương	Cộng
<b>150</b>	3,18	26,82	<b>30</b>	<b>3.150</b>	66,78	563,22	<b>630</b>

*Trong đó:*

Thực hiện theo nguyên tắc các hoạt động thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương, do cơ quan Trung ương là chủ dự án trực tiếp quản lý và thực hiện thì do ngân sách Trung ương bố trí. Các hoạt động thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, do địa phương là chủ dự án trực tiếp quản lý và thực hiện thì do ngân sách địa phương tự bố trí.

Về trách nhiệm bố trí vốn đối ứng, Bộ TN&MT sẽ chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của Hợp phần 2, Bộ NN&PTNT và Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia dự án chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng cho các Hợp phần còn lại.

## 11. Tổ chức quản lý, thực hiện dự án và phân giao nhiệm vụ.

- Bộ NN&PTNT là cơ quan chủ quản dự án.
- Ban Quản lý trung ương các dự án thủy lợi là chủ dự án, chịu trách nhiệm điều phối chung hoạt động của toàn dự án.
- Bộ Tài Nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì thực hiện và là cấp quyết định đầu tư, chịu trách nhiệm toàn diện đối với các nội dung thuộc Hợp phần 2.

- Ban Chỉ đạo dự án sẽ được thành lập để chỉ đạo chung việc thực hiện dự án; Trưởng ban Chỉ đạo do Thứ trưởng Bộ NN&PTNT đảm nhiệm; Thành viên Ban Chỉ đạo gồm đại diện là lãnh đạo cấp Bộ/Vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãnh đạo các tỉnh trong vùng dự án, lãnh đạo các Vụ/Cục liên quan của Bộ NN&PTNT và đại diện Ban Chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương.

- Ủy ban nhân dân các Tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, TP. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Ninh Thuận là cấp quyết định đầu tư các tiểu dự án trong phạm vi của tỉnh, có trách nhiệm xin ý kiến thoả thuận của Bộ NN&PTNT và các cơ quan liên quan trước khi phê duyệt các tiểu dự án theo quy định hiện hành, chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng theo nhiệm vụ chi của Ngân sách địa phương cho các hoạt động của dự án và công tác giải phóng mặt bằng trong phạm vi của tỉnh.

- Sở NN&PTNT các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Ninh Thuận là chủ đầu tư các tiểu dự án thành phần trong phạm vi của tỉnh.

- Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính, Tổng cục Thủy lợi, Cục Quản lý xây dựng công trình và các đơn vị liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước, tham mưu cho Bộ trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra các hoạt động của dự án theo quy định.

**Điều 3.** Phê duyệt kế hoạch đầu thầu 18 tháng của dự án Quản lý thiên tai (Phần III. Phụ lục kèm theo quyết định này).

**Điều 4.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Ninh Thuận; Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Trưởng ban Ban Quản lý trung ương các dự án thuỷ lợi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Nhu Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- TT. Hoàng Văn Thắng;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, Tư pháp, Ngoại giao;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Lưu VT, HTQT.

**BỘ TRƯỞNG**



Cao Đức Phát



## PHỤ LỤC

**Quyết định phê duyệt dự án đầu tư “Quản lý thiên tai” do WB tài trợ  
(Kèm theo quyết định số: 1370/QĐ-BNN-HTQT ngày 11 tháng 6 năm 2012)**

### Phần I

#### A. Hợp phần 3: Danh sách các xã thực hiện trong giai đoạn 1

TT	Tỉnh	Huyện	Xã
1	Thanh Hóa	Yên Định	Yên Thịnh
2			Định Hòa
3			Định Thành
4			Định Công
5			Định Bình
6			Định Tường
7			Yên Tâm
8			Yên Giang
9			Thiệu Hóa
10			Thiệu Thành
11	Nghệ An	Nghi Lộc	Nghi Thái
12		TP. Vinh	Hung Hòa
13		Thanh Chương	Thanh Lương
14			Thanh Yên
15			Thanh Khai
16	Hà Tĩnh	Cẩm Xuyên	Cẩm Phúc
17			Cẩm Long/ TT Thiên cẩm
18			Cẩm Nhượng
19			Cẩm Tháng
20	Quảng Nam	Duy Xuyên	Duy Phú
21			Duy Thu
22			Duy Tân
23			Duy Hòa
24	Bình Định	Tuy Phước	Phước Lộc
25		An Nhơn	Nhon An
26			Nhon Hậu
27			Nhon Phúc

\* Tổng cộng 27 xã.

#### B. Hợp phần 3: Danh sách các xã thực hiện trong giai đoạn 2

Tỉnh	Huyện	STT	Xã	River basin
Nghệ An	Nghi Lộc	1	Phúc Thọ	Sông Cả
		2	Nghi Phong	Sông Cả
		3	Nghi Xuân	Sông Cả
	TP Vinh	4	Hung Lộc	Sông Cả
		5	Nghi Đức	Sông Cả
Hà Tĩnh	Lộc Hà	1	Thạch Bằng	Sông Cả
		2	Thạch Mỹ	Sông Cả
		3	Thạch Lộc	Sông Cả
		4	Thạch Kim	Sông Cả

		4	Thạch Kim	Sông Cá
		5	Thạch Châu	Sông Cá
		6	Mai Phù	Sông Cá
Quảng Bình	TP Đồng Hới	1	P. Phú Hải	Sông Nhật Lệ
		2	Nghĩa Ninh	Sông Nhật Lệ
		3	Bảo Ninh	Sông Nhật Lệ
		4	Đức Ninh	Sông Nhật Lệ
	Quảng Ninh	5	Lương Ninh	Sông Nhật Lệ
		6	Hiền Ninh	Sông Nhật Lệ
		7	Tân Ninh	Sông Nhật Lệ
		8	Duy Ninh	Sông Nhật Lệ
		9	Võ Ninh	Sông Nhật Lệ
		10	Vinh Ninh	Sông Nhật Lệ
Quảng Trị	TP Đông Hà	1	Hải Lệ	Sông Thạch Hãn
		2	Triệu Thượng	Sông Thạch Hãn
		3	Triệu Đông	Sông Thạch Hãn
		4	Triệu Long	Sông Thạch Hãn
		5	Triệu Thuận	Sông Thạch Hãn
		6	Triệu Độ	Sông Thạch Hãn
		7	Triệu Phước	Sông Thạch Hãn
		8	Triệu Giang	Sông Thạch Hãn
		9	Triệu Thanh	Sông Thạch Hãn
		10	Triệu Tài	Sông Thạch Hãn
TP Đà Nẵng	Hòa Vang	1	Hòa Phú	Sông Vu gia - Thu Bồn
		2	Hòa Khương	Sông Vu gia - Thu Bồn
		3	Hòa Phong	Sông Vu gia - Thu Bồn
		4	Hòa Châu	Sông Vu gia - Thu Bồn
		5	Hòa Phước	Sông Vu gia - Thu Bồn
		6	Hòa Tiên	Sông Vu gia - TB
		7	Hòa Ninh	Sông Vu gia - Thu Bồn
		8	Hòa Bắc	Sông Vu gia - Thu Bồn
		9	Hòa Liên	Sông Vu gia - Thu Bồn
		10	Hòa Sơn	Sông Vu gia - Thu Bồn
Quảng Nam	Đại Lộc	1	Đại Chánh	Sông Vu gia - Thu Bồn
		2	Đại Thành	
		3	Đại Tân	
		4	Đại Phong	
		5	Đại Minh	
		6	Đại Cường	
Quảng Ngãi	Đức Phổ	1	Phổ Minh	Sông Vệ
		2	Phổ Quang	Sông Vệ
		3	Phổ Vinh	Sông Vệ
	Nghĩa Hành	4	Hành Tín Đông	Sông Vệ
		5	Hành Thiện	Sông Vệ

		6	Hành Thịnh	Sông Vệ
		7	Hành Tín Tây	Sông Vệ
	Mộ Đức	8	Đức Hiệp	Sông Vệ
		9	Đức Nhuận	Sông Vệ
		10	Đức Thắng	Sông Vệ
Bình Định	Tuy Phước	11	Phước Hòa	Sông Kone
		12	Phước Hiệp	Sông Kone
		13	Phước Quang	Sông Kone
		14	Phước Thuận	Sông Hà Thanh
		15	Nhơn Phong	Sông Kone
		16	Nhơn Khánh	Sông Hà Thanh
	An Nhơn	1	Phước Thuận	Sông Cái
		2	An Hải	Sông Cái
		3	Nhơn Sơn	Sông Cái
		4	Mỹ Sơn	Sông Cái
Ninh Thuận	TP. Phan Rang	5	Phủ Hà	Sông Cái
		6	Tấn Tài	Sông Cái
		7	Đạo Long	Sông Cái
		8	Mỹ Đông	Sông Cái
		9	Mỹ Hải	Sông Cái
		10	Đông Hải	Sông Cái

Tổng cộng 73 xã.

## Phần II

### A. Danh sách TDA thực hiện giai đoạn 1

TT	Tỉnh	Tên Tiêu Dự án
1	Thanh Hóa	Tu bồi, nâng cấp và xử lý các điểm trọng yếu đê tả sông Cầu Chày (đoạn từ K0-K42) thuộc lưu vực sông Mã, huyện Yên Định
2	Nghệ An	Nâng cấp tuyến đê Lương Yên Khai, Thanh Chương
3	Nghệ An	Cầu kết hợp tràn nối đường cùa hộ cùa nạn xã Nghi Thái huyện Nghi Lộc và xã Hưng Hòa thành phố Vinh
4	Hà Tĩnh	Nâng cấp tuyến đê Phúc-Long-Nhượng, huyện Cẩm Xuyên
5	Quảng Nam	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Thạch Bàn, huyện Duy Xuyên
6	Bình Định	Nâng cấp kè chống xói lở bờ sông Kone đảm bảo an toàn, huyện An Nhơn và Tuy Phước

### B. Danh sách 29 tiêu dự án tiềm năng hợp phần 4 giai đoạn 2

TDA	Tỉnh	Tên tiêu dự án	Tóm tắt hạng mục đầu tư
1	Nghệ An	Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn cho cụm hồ chứa nước: Bản Muỗng, Chõ Quan, Xôp Thập, Khe Lau, Khe Làng và Lách Bưởi	Sửa chữa, nâng cấp đập đất; tràn; cửa lấy nước và nhà quản lý (Xây dựng mới 2 nhà quản lý); Làm mới 11,241 km đường quản lý và 1 cầu qua suối.
2		Đường CHCN cho huyện Hưng Nguyên (gồm Hưng Lam, Hưng Nhân, Hưng Xuân và Hưng Châu)	Tôn cao, mở rộng, cứng hóa mặt đường 23,5Km, bề rộng mặt đường B= 3,5m
3		Kè bảo vệ bờ sông Cả đoạn qua xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn	2km kè, Trên toàn tuyến có 6 cổng được làm mới.
4		Kè bảo vệ bờ Sông Cả đoạn qua xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn.	2km kè, Trên toàn tuyến có 10 cổng được làm mới.
5		Đường CHCN thuộc huyện Đô Lương (gồm xã Thái Sơn, Minh Sơn)	Tôn cao, mở rộng, cứng hóa mặt đường 12km
6		Cải tạo, nâng cấp đê sông Vách Bắc	Xây dựng 12.160m kè và 116 cổng tiêu; nâng cấp và phục hồi 15 cầu địa phương rộng 4m; 25 cầu địa phương rộng 2,5m; 20 cổng dẫn nước và 5 cửa điều tiết

TDA	Tỉnh	Tên tiêu dự án	Tóm tắt hạng mục đầu tư
7		Đường CHCN nối với đường Quốc gia 46 đi Thanh Lương - Nam Hưng	Tôn cao, mở rộng, cứng hóa mặt đường 11,5km, bê rộng mặt đường B= 3,5m
8	Hà Tĩnh	Nạo vét, chỉnh trị luồng vào Cảng tránh trú bão Cửa Sót - Lộc Hà	Nạo vét, chỉnh trị luồng vào khu neo đậu dài 4km; xây dựng tuyến kè 300m chỉnh trị dòng; 2 km đường cứu hộ, cứu nạn; xây dựng tuyến kè 1,5km bảo vệ cảng cá và cảng tránh trú bão
9	Quảng Bình	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá sông Nhật Lệ	Các công trình neo buộc tàu; đê ngăn sóng; kè bảo vệ bờ; nạo vét khu nước đậu tàu và luồng tàu; hệ thống phao tiêu báo hiệu; các công trình hạ tầng kỹ thuật
10	Quảng Trị	Nâng cấp hệ thống Hồ Triệu Thượng 1, 2	Nâng cấp đập chính, đập phụ, tràn xả lũ, công lấy nước và hệ thống kênh
11		Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình Thủy lợi Việt Yên - Vĩnh Phước	Nâng cấp công và cửa công
12		Nâng cấp hồ chứa nước Phước Môn, xã Hải Lệ	Nâng cấp đập chính, tràn xả lũ; làm 1 cầu thô sơ qua tràn xả lũ dài 20m, rộng 1,5m; Làm lại 1 công lấy nước; xây mới 1 nhà quản lý; sửa chữa, nâng cấp 1km đường quản lý
13		Kè chống xói lở khẩn cấp bờ sông Nại Cửu, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong	Xây dựng 1,02km kè bảo vệ bờ sông
14		Kè bảo vệ xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Xây dựng tuyến đê dài 2.100m và kè bờ sông dài 1.800 m
15		Kè chống xói lở khẩn cấp cho xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong	Xây dựng 1 km kè bảo vệ bờ sông
16		Kè chống xói lở khẩn cấp bờ sông Sa Lung đoạn xã Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy.	Xây dựng 3.320m

TDA	Tỉnh	Tên tiểu dự án	Tóm tắt hạng mục đầu tư
17	Đà Nẵng	Nâng cấp đảm bảo an toàn cho hồ chứa nước Hòa Trung	(i) Mở rộng tràn chính (ii) Gia cố đập chính (iii) Cung cấp trang thiết bị và trang bị cho nhà quản lý (iv) Nâng cấp đường CHCN và cầu vượt lũ
18		Nâng cấp mở rộng khả năng thoát lũ đập dâng An Trạch	(i) Thay thế 12 cửa van cũ bằng 12 cửa van phẳng chạy bằng điện (ii) Mở rộng thêm 2 cửa thoát nước ở vai đập (iii) Gia cố, nâng cấp sân tiêu năng (iv) Trang bị hệ thống điều khiển (v) Sửa chữa đập Hà Thanh
19		Nâng cấp đảm bảo an toàn cho cụm 4 hồ chứa: Trước Đông, Hồ Cau, Hóc Khê, Trường Loan	(i) Nâng cấp đập chính (ii) Nâng cấp và mở rộng tràn chính (iii) Mở rộng tràn phụ (iv) Sửa chữa cửa lấy nước (v) Gia cố đường cứu hộ và đường quản lý (vi) Nạo vét đáy hồ
20		Nâng cấp đảm bảo an toàn cho 2 hồ chứa nước nhỏ: Đồng Treo và Hồ Thung	(i) Nâng cấp đập chính (ii) Mở rộng và gia cố tràn chính (iii) Sửa chữa đập phụ (iv) Nạo vét đáy hồ (v) Sửa chữa cửa lấy nước
21	Quảng Nam	Sửa chữa nâng cấp Hồ chứa nước Khe Tân, huyện Đại Lộc	Sửa chữa, nâng cấp đập chính, tràn, cửa lấy nước, nhà và đường quản lý
22		Xây dựng kè chống xói lở bờ sông Thu Bồn khu vực Phú Đa, xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên	Thân và chân kè có kết cấu bằng tấm bê tông dài 1,5km, cao Hmax = 14,0m
23		Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Chấn Sơn, huyện Đại Lộc	Sửa chữa, nâng cấp đập chính, tràn, cửa lấy nước, nhà và đường quản lý, hệ thống điện
24		Xây dựng kè sông thôn Tân Bình, xã Điện Trung, huyện Điện Bàn	Thân và chân kè có kết cấu bằng tấm bê tông dài 1,5km, chiều cao Hmax = 12,0m
25		Xây dựng kè chống sạt lở đất cho sông Bàu Sáu, tại khu vực hạ lưu đập dâng Bàu Nít, huyện Điện Bàn	Thân kè bằng bê tông đúc sẵn, chân kè bằng đầm bê tông cốt thép M200, dài 1km, chiều cao Hmax = 10,0m

TDA	Tỉnh	Tên tiêu dự án	Tóm tắt hạng mục đầu tư
26		Đập Đức Lợi	Cụm công trình đập mới: Đập, cống, đường dẫn hai bên vai đập
27	Quảng Ngãi	 Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ A (Giai đoạn 2)	Kéo dài 160m đê Nam và 180m đê Bắc tới cao trình +6,0m; Kéo dài đê chắn cát, ngăn lũ tới hơn 125m, cao trình đỉnh +3,2m; Nạo vét và mở rộng luồng vào tới 60m. Các công trình dịch vụ hậu cần, nơi tránh trú bão cho cộng đồng và các công trình kỹ thuật
28	Bình Định	Nâng cấp, sửa chữa cầu vượt lũ thuộc cụm đường CHCN khu Đông Tuy Phước - An Nhơn - Phù Cát	Nâng cấp 8 cầu vượt tràn nằm trên đường tỉnh lộ ĐT640 gồm: Cầu 15; Huỳnh Mai; Km14+310; Km14+760; Km15+820; Km16+620; Km17+080; Km17+865; và 1 cầu vượt tràn trên đường ĐT636A: cầu Bàu Sáu
29	Ninh Thuận	Nâng cấp đê bờ Bắc sông Dinh	Nâng cấp toàn bộ tuyến đê nhằm bảo vệ thành phố Phan Rang – Tháp Chàm kết hợp với giao thông, chiều dài 11,075 Km; Kè bảo vệ bờ sông dài 750m; Làm mới 6 cống tiêu và sửa chữa 18 cống tiêu hiện có

### C. Nội dung đầu tư các TDA giai đoạn 1 thuộc Hợp phần 4

#### I) TDA 1: Tu bổ, nâng cấp và xử lý các điểm trọng yếu đê tả sông Cầu Chày (đoạn từ K0-K42) thuộc lưu vực sông Mã, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá

##### (1) Mục tiêu:

Bảo vệ tính mạng và tài sản, tiêu úng, tạo tuyến đường cứu hộ, cứu nạn kết hợp kiểm tra đê khi có mưa lũ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và tạo cảnh quan môi trường bền vững cho vùng dự án.

##### (2) Cấp công trình: Cấp IV.

Tần suất chống lũ P=5%

##### (3) Nội dung đầu tư

- a) Gia cố 11 đoạn mái đê xung yếu: Tổng chiều dài gia cố: 2336.4 m. Hình thức kết cấu: Gia cố mái bằng đá lát khan dày 30cm trong khung bê tông, chân kè là lăng thề đá. Riêng đoạn từ K29+463~K29+686.4 (Chân cầu Si) được gia cố bằng cầu kiện bê tông đúc sẵn M250 kích thước (40x40x16)cm liên kết mảng mềm trong khung BTCT tạo bởi các đầm dọc và ngang; chân là lăng thề đá.

Đọc mái bô trí bậc lên xuống kết hợp rãnh tiêu nước kết cấu bằng bê tông.  
Đầu và cuối đoạn gia cố được khóa bằng bê tông và BTCT.

b) Cống: Tổng: 54 cống.

- + Làm mới cống qua đê: 40 cống mới, mặt cắt chữ nhật, kết cấu BTCT M250. Hình thức, kết cấu: Mặt cắt chữ nhật, kết cấu bằng BTCT M250, cửa van bằng BTCT, đóng mở bằng ổ V3 – V5.
- + Sửa chữa cống qua đê: 14 cống nối dài phù hợp mặt cắt đê. Các cống này bằng BTCT hiện đang còn sử dụng tốt do mặt cắt đê được mở rộng theo yêu cầu thiết kế nên phải nối dài cho phù hợp với mặt cắt đê mới; kết cấu phần nối dài bằng BTCT M250, nền được xử lý bằng cọc tre, tiêu năng phía sông được sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu chống xói lở, thay mới cửa van và máy đóng mở từ V3 – V5.

c) Xây dựng 11 nhà quản lý đê: Nhà cấp IV, diện tích xây dựng  $S = 45m^2$  mỗi nhà.

Kết cấu: Nhà cấp IV, diện tích xây dựng  $S_{xd} = 45m^2$ ; kết cấu: giằng móng, cột, dầm, sàn đổ BTCT tại chỗ, tường bao che xây gạch, mái lợp tôn chống nóng, cửa đi, cửa sổ bằng panô gỗ, nền lát gạch CERMIC.

d) Xây dựng mới 01 trạm bơm tiêu Yên Phú:

- Nhiệm vụ tiêu cho 865 (ha) đất thuộc 3 xã Yên Tâm, Yên giang và Yên Phú của huyện Yên Định
- Vị trí: Tại K7+576.7 đê tả sông Cầu Chày
- Thông số thiết kế:
  - + Mực nước bể hút Max : 9.10 m
  - + Mực nước bể hút thiết kế : +8.00m
  - + Mực nước bể hút Min : +7.70 m
  - + Mực nước bể xả : +12.41m
  - + Cao trình đáy bể xả : +10.12m
  - + Cao trình sàn động cơ : +10.65 m
- Chỉ tiêu thiết kế kĩ thuật:
  - + 5 tổ máy bơm: Loại máy bơm trực đứng: HTD4000-6 , động cơ 110KW.
  - + 01 nhà máy: 1 tầng dưới, 1 tầng trên.
  - + 01 TBA (trạm biến áp) : Công suất (560 +320 +31.5) KVA -35/0.4 KV.
  - + Đường dây ĐDK 35KV đến TBA: dài 3,125 km.
  - + Đường dây đến TBA: Đường dây 35KV đến TBA dài 3,125 km.
  - + Khu quản lý trạm bơm: Nhà cấp IV diện tích xây dựng 60.0 (m<sup>2</sup>).

e) 01 Cống qua đê: Khẩu diện 2x(1.8x2.3)m, cao trình đáy cống 10.47m.

f) Nạo vét kênh tiêu: Chiều dài 3km và thiết kế công trình trên kênh tiêu.

g) Kênh và các cầu qua kênh TB Yên Phú: Kênh dài 3km + 6 cầu qua kênh với khẩu diện mặt cầu 3.0x8.0 m.

h) Xây dựng 6 tuyến đường ngang cùu hộ đê: Với chiều rộng mặt đường B = 6m trong đó gia cố bằng bê tông thường M250 rộng 5,0m dày 20cm, dưới là lớp cát phoi đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 20cm; hai bên lề được đắp bằng đất núi

mỗi bên rộng 0,5m và có bố trí cọc tiêu 15x15x105cm; Độ dốc mặt i = 1% và độ dốc lề i = 4%

- i) Xử lý ẩn hoa mồi thằn lằn: Toàn tuyến.
- j) Rà phá bom mìn: Toàn tuyến.
- k) Lắp đặt thiết bị cơ khí.
- l) Đèn bù giải phóng mặt bằng.

**II) TDA 2 : Sửa chữa, nâng cấp tuyến đê Lương Yên Khai đoạn từ K3+262,66 đến K6+133,1, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An**

**(1) Mục tiêu**

Phòng chống lụt bão, úng ngập và hạn chế mức thấp nhất hậu quả do thiên tai gây ra nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản cho 10.756 người dân sinh sống trong khu vực và bảo vệ ổn định sản xuất cho 651,8 ha đất nông, lâm nghiệp của các xã vùng dự án.

**(2) Các chỉ tiêu thiết kế:**

- Cấp công trình: cấp III.
- Tần suất thiết: P=2%
- Hệ số an toàn trượt:
  - + Điều kiện sử dụng bình thường: K = 1,15
  - + Điều kiện sử dụng bất thường : K = 1,05

**(3) Nội dung đầu tư**

- a) Nâng cấp tuyến đê: dài L = 2.87 km, Đắp đất áp trúc, nâng cao tuyến đê cũ bằng bằng đất đầm chặt, cứng hóa mặt đê bằng BT M250.
- b) Sửa chữa, làm mới 5 cổng dưới đê: Có 4 cổng tiêu và 1 cổng tưới, tổng chiều dài là 110.60m.
- c) Dốc vuốt nối lên đê (09 dốc).
- d) Đường thi công kết hợp úng cứu đê: dài L = 780.87m, thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A, Kết cấu mặt đường bằng bê tông M250; Bề rộng đường 5.0m.
- e) Công qua đường: Tổng cộng 3 cổng , 1 cổng cũ và thiết kế 2 cổng mới.
- f) Đèn bù giải phóng mặt bằng,

**III) TDA 3 : Cầu kết hợp tràn nối đường cứu hộ cứu nạn thuộc lưu vực sông Cá, xã Nghi Thái huyện Nghi Lộc và xã Hưng Hoà, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**

**(1) Mục tiêu**

Cứu hộ, cứu nạn khi có sự cố về mùa mưa lũ, đảm bảo giao thông cho nhân dân trong vùng, thúc đẩy giao lưu về kinh tế - văn hóa của người dân địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa của các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

**(2) Cấp công trình: cấp III.**

- Tần suất thiết kế công trình thoát nước mặt: P =10%.
- + Tần suất thiết kế: Đường, cổng, cầu nhỏ: P =4%.

+ Tần suất thiết kế Cầu : Thiết kế cầu ngập lũ

### (3) Nội dung đầu tư

- a) Làm mới cầu Rào Đừng: Kết cấu bằng BTCT với quy mô vĩnh cửu. Khổ cầu  $B = 6+2 \times 0.5\text{m}$ . Bố trí 5 nhịp đầm bản 15m.
  - + Tải trọng thiết kế: HL93
  - + Khổ cầu:  $B = 6 + 2 \times 0.5 = 7\text{m}$
  - + Chiều dài nhịp  $L=5 \times 15\text{m}=72\text{m}$ .
- b) Cống: Trên tuyến có tổng cộng 3 cống cũ, trong đó 1 cái còn tốt giữ nguyên, 2 cống đầu tuyến nhập lại thành một cống  $3 \times (2.0 \times 2.5)$  tại Km0+329.61.
- c) Nâng cấp sửa chữa 1km đường: Bề rộng nền đường  $B_n=5.0\text{m}$ ; Kết cấu Bê tông M300 dày 24cm.
- d) Cống thoát nước: 1 chiếc, Bề rộng  $B=7.5\text{m}$ , chiều dài 11.09m.
- e) Ốp mái taluy: Ốp mái bằng đá hộc xây M100 dày 25cm.
- f) Lắp đặt thiết bị cơ khí: Máy đóng mở V7 và mô tơ điện.
- g) Thiết kế 6 nút giao: Thiết kế nút giao dân sinh được thiết kế vuốt nối hợp lý.
- h) Công trình an toàn giao thông:
  - + Trên toàn tuyến bố trí 36 cọc tiêu.
  - + Trên toàn tuyến bố trí 4 biển báo chữ nhật.
- i) Rà phá bom mìn, toàn tuyến.

## IV) TDA 4: Nâng cấp tuyến đê Phúc – Long – Nhượng thuộc lưu vực sông Gia hội, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

### (1) Mục tiêu

Phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại thiên tai do bão biển, áp thấp nhiệt đới, triều cường thường xuyên xảy ra; Ngăn mặn cho khu vực đồng ruộng thuộc các xã Cẩm Phúc, thị trấn Thiên Cầm và xã Cẩm Nhượng.

Nâng cao mức đầm bảo an toàn của đê biển, chống bão cấp 10 kết hợp triều trung bình tần suất 5% và nước dâng do bão (thay cho việc chống bão cấp 8-9 trước đây bằng chống được gió bão cấp 10).

### (2) Cấp công trình: cấp IV.

### (3) Nội dung đầu tư

- a) Nâng cấp tuyến đê có tổng chiều dài là 11.410km, Mặt cắt đê rộng 5m bằng đất đầm chặt, nâng cao trình đỉnh đê +3.5m, mặt đê được cứng hoá bằng bê tông M250. Gia cố bảo vệ mái đê M200 dày 12cm.
- b) Toàn tuyến có 21 cống qua đê, 16 cống làm lại tại vị trí cống cũ và 05 cống làm mới.
- c) Đường thi công kết hợp ứng cứu đê tổng chiều dài  $L = 8.974\text{km}$ , Mặt đường thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A. Công trình trên tuyến thiết kế vĩnh cửu tải trọng H13-X60.
- d) Đốc lên đê kết nối với đường dân sinh, Kết cấu mặt đường lớp trên bằng bê tông M250 dày 20cm.
- e) Đường xuống bến đò: Chiều dài  $L=50.94\text{m}$ , Mặt đường rộng 3m, kết cấu bằng bê tông M250 dày 20cm.

- f) Theo chiều dài tuyến bố trí 10 bậc lên xuống dân sinh, Kết cấu bằng bê tông M200, rộng 2m.

V) **TDA 5 : Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Thạch Bàn thuộc lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam**

(1) **Mục tiêu**

Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối, gia cố 500m kênh hạ lưu cống lấy nước, hoàn thiện các công trình trên kênh, xây dựng mới nhà quản lý nhằm đảm bảo mục tiêu phòng lũ, giảm thiểu các ảnh hưởng do thiên tai gây ra làm mất ổn định công trình, đe dọa đến tính mạng, tài sản và các công trình hạ tầng vùng hạ du; cấp nước tưới cho 990ha đất canh tác (trong đó có 890ha đất lúa và 100ha đất hoa màu), đồng thời kết hợp nuôi trồng thuỷ sản và cấp nước sinh hoạt cho nhân dân trong vùng thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

(2) **Cấp công trình:** cấp III.

(3) **Nội dung đầu tư**

a) **Đập đất:**

- Đập chính: Cao trình đỉnh đập +29,0; đỉnh tường chắn sóng +29,80m; mặt đập rộng 6,0 m, kết cấu bê tông M200. Hệ số mái thượng lưu m = 3,0; bảo vệ bằng tấm bê tông có kích thước (2x2x0.15)m, trên tầng lọc đá 1x2; chân lát bê tông đèn dưới MNDBT 0,50m; phần còn lại lát đá khan trong khung bê tông cốt thép có tầng lọc đá dăm phía dưới. Hệ số mái hạ lưu m = 2,75; tròng cỏ mái hạ lưu; trên mái có bố trí các dải tiêu nước bằng đá dăm, dưới chân mái hạ lưu bố trí rãnh tiêu nước (bxh) = (40x40) cm bằng bê tông M200. Hạ lưu bố trí cơ rộng 5,0 m tại cao trình +21,0 m và ốp mái hạ lưu đến cao trình +16,50 m; Chiều dài đập chính L= 776 m.
- Các đập phụ 1,2,3,4,5: Cao trình đỉnh đập +29,00; đỉnh tường chắn sóng +29,50 m; mặt đập rộng 6,0 m, kết cấu bê tông M200. Hệ số mái thượng lưu m = 2,75 (riêng đập phụ số 3 có m = 3,00); bảo vệ bằng tấm bê tông có kích thước (2x2x0.15)m, trên tầng lọc đá 1x2; chân lát bê tông đèn dưới MNDBT 0,50 m; phần còn lại lát đá khan trong khung bê tông cốt thép có tầng lọc đá sỏi phía dưới. Hệ số mái hạ lưu m = 2,25 (riêng đập phụ số 3 có m = 2,75); tròng cỏ mái hạ lưu; dưới chân mái hạ lưu bố trí rãnh tiêu nước bxh= (40 x 40)cm bằng bê tông M200.
- Xây dựng đường giao thông có kết cấu tương tự như mặt đỉnh đập nối các đập để thuận lợi cho công tác quản lý.

b) **Tràn xả lũ:** Đập phá toàn bộ đá xây bản đáy tràn cũ, xây dựng mới lại đoạn cửa vào, đoạn ngưỡng tràn bố trí cầu giao thông, đoạn thu hẹp và 2 bên tường đá ổn định ốp bê tông cốt thép bên ngoài dày 20 cm; hình thức đập tràn đỉnh rộng không ngưỡng; dốc tràn và mũi phun được bọc thêm bên ngoài 20cm bê tông cốt thép để tăng độ ổn định cho bản đáy.

c) **Cống lấy nước:** Đập phá bỏ cống cũ, xây dựng mới lại với khẩu diện Ø=1,2m có van điều tiết hạ lưu và nhà tháp để vận hành và sửa chữa.

d) **Nhà quản lý, hệ thống điện:**

- Nhà quản lý: Xây dựng mới nhà quản lý cấp IV, rộng 120m<sup>2</sup> tại khu nhà quản lý cũ để thuận lợi cho công tác quản lý vận hành.
- Xây dựng 2,0 km đường dây hạ thế 0,4 KV.

e) Hệ thống kênh, hạ lưu công lấy nước:

- Đào nạo vét đoạn kênh dẫn thượng lưu đến cao trình 17,00m.
- Sửa chữa nâng cấp đoạn kênh sau cống với kết cấu bê tông cốt thép, kích thước (1,2x2,0)m.

**(4) Chỉ tiêu thiết kế:**

- Diện tích lưu vực	32,7	Km <sup>2</sup>
- Diện tích tưới	990	Ha
- Mức bảo đảm tưới	85	%
- Tần suất lũ thiết kế	1	%
- Tần suất lũ kiểm tra	0,2	%
- Mực nước dâng bình thường	+25,2	m
- Mực nước dâng gia cường P=1%	+27,2	m
- Mực nước lũ kiểm tra P=0,2%	+27,35	m
- Mực nước chết	+18,0	m
- Dung tích hồ úng với MNDBT	9,874	106.m <sup>3</sup>
- Dung tích hữu ích	8,389	106.m <sup>3</sup>
- Dung tích chết	1,485	106.m <sup>3</sup>

**VII) TDA 6 : Nâng cấp chống xói mòn đảm bảo an toàn cho đê sông Kôn thuộc huyện An Nhơn, Tuy Phước – tỉnh Bình Định**

**(1) Mục tiêu**

Nâng cao năng lực phòng chống lũ của toàn tuyến, chống ngập lụt, tăng cường năng lực thoát lũ; Bảo vệ các công trình hạ tầng, đất đai, nhà cửa, tính mạng và tài sản.

**(2) Cấp công trình: cấp IV.**

- Tần suất mực nước, lưu lượng lớn nhất: P=5%

**(3) Nội dung đầu tư**

Nâng cấp kè chống xói lở hệ thống đê sông Kone với tổng chiều dài 5,7 km, chia làm 4 đoạn:

- a) Đê Tân Dân - Tân Dương: Gia cố mái đê, nâng cao và mở rộng mặt đê dài 1,8km, Chiều cao đê 5m, bờ rộng đê 3,5m.
- b) Đê Sông Nghẹo: Gia cố mái đê, nâng cao và mở rộng mặt đê dài 1,6km, Chiều cao đê 5,5m, bờ rộng 3,5m.
- c) Đê Thắng Công: Gia cố mái đê, nâng cao và mở rộng mặt đê dài 1,1km, Chiều cao đê 5,2m, bờ rộng đê 3,5m.
- d) Đê hạ lưu cầu Bà Di Gia cố mái đê, nâng cao và mở rộng mặt đê dài 1,1km, Chiều cao đê 2,8m, bờ rộng đê 3,5m.

**Dự án Quản lý thiên tai (WB5/VN-Haz)**  
**PHẦN III. KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU 18 THÁNG**  
Kèm theo Quyết định số 1370/QĐ-BNN-HTQT ngày 11 tháng 6 năm 2012.

TT	Re. N	Tên gói thầu	Dự toán		Nguồn vốn	Loại	Phương pháp đấu thầu	Ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Đơn vị tổ chức đấu thầu	Xem xét của WB	Loại HD	Ghi chú
			1000 USD	Triệu VND										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
		Tổng	61.038	1.269.582										
<b>I</b>	<b>A</b>	<b>Hợp phần 1: Tăng cường thể chế</b>	<b>2.435</b>	<b>50.648</b>										
1	C1-1	Nghiên cứu xây dựng cơ chế tài chính hỗ trợ giảm thiểu rủi ro thiên tai	75	1.560	IDA	CS	CQS	Q1/2013	6	Q3/2013	CPMO	Trước	Trọn gói	
2	C1-2	Cải tiến tiêu chuẩn xây dựng an toàn cho DRM	90	1.872	IDA	CS	CQS	Q1/2013	6	Q3/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
3	C1-3	Nghiên cứu hỗ trợ thành lập và vận hành PDMC	35	728	IDA	CS	CQS	Q2/2013	6	Q4/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
4	C1-4	Hỗ trợ nâng cấp CSDL quản lý, vận hành an toàn hồ đập	195	4.056	IDA	CS	CQS	Q2/2013	8	Q4/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
5	C1-5	Tổng hợp thông tin về các lưu vực sông	115	2.392	IDA	CS	CQS	Q2/2013	8	Q4/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
6	C1-6	Nghiên cứu chi tiết về các lưu vực sông trong vùng dự án (tăng cường cơ chế phối hợp cho quản lý tổng hợp khu vực sông)	195	4.056	IDA	CS	CQS	Q4/2013	8	Q3/2014	CPMO	Sau	Trọn gói	
7	C1-7	Chuẩn bị kế hoạch DRM lưu vực sông Mã (Rà soát và cập nhật DRM và CCA vào các quy hoạch lưu vực sông)	175	3.640	IDA	CS	CQS	Q4/2013	8	Q3/2014	CPMO	Sau	Trọn gói	
8	C1-8	Chuẩn bị kế hoạch DRM lưu vực sông Cà (Rà soát và cập nhật DRM và CCA vào các quy hoạch lưu vực sông)	180	3.744	IDA	CS	CQS	Q4/2013	8	Q3/2014	CPMO	Sau	Trọn gói	
9	C1-9	Chuẩn bị kế hoạch DRM lưu vực sông VuGia-ThuBồn (Rà soát và cập nhật DRM và CCA vào các quy hoạch lưu vực sông)	175	3.640	IDA	CS	CQS	Q4/2013	8	Q3/2014	CPMO	Sau	Trọn gói	
10	C1-10	Chuẩn bị kế hoạch DRM lưu vực sông TràKhúc-TràBồng-Vệ(Rà soát và cập nhật DRM và CCA vào các quy hoạch lưu vực sông)	190	3.952	IDA	CS	CQS	Q4/2013	8	Q3/2014	CPMO	Sau	Trọn gói	
11	C1-11	Chuẩn bị kế hoạch DRM lưu vực sông Côn (Rà soát và cập nhật DRM và CCA vào các quy hoạch lưu vực sông)	175	3.640	IDA	CS	CQS	Q4/2013	8	Q3/2014	CPMO	Sau	Trọn gói	
12	C1-12	Tuyển chọn tư vấn đào tạo	185	3.848	IDA	CS	CQS	Q1/2013	18	Q3/2014	CPMO	Sau	Trọn gói	
13	C1-13	Đào tạo, hội thảo trong nước	100	2.080	IDA	TR	SOE	Q4/2012	18	Q2/2014	CPMO	Sau	Trọn gói	
14	C1-14	Đào tạo, hội thảo nước ngoài	250	5.200	IDA	TR	SOE	Q4/2012	18	Q2/2014	CPMO	Trước	Trọn gói	
15	C1-15	Các gói thầu khác theo yêu cầu công việc	300	6.240	TBD	TBD	TBD	Q4/2012	TBD	Q2/2014	CPMO	TBD	TBD	Gói thầu xác định sau
<b>II</b>	<b>B</b>	<b>Hợp phần 2: Tăng cường dự báo thời tiết và cảnh báo sớm</b>	<b>18.950</b>	<b>394.170</b>										
1	C2-TV-1	Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình	138	2.880	GOV	CS	CQS	Q3/2012	3	Q4/2012	PMO Monre		Trọn gói	
2	C2-TV-2	Tư vấn khảo sát thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán phần xây dựng	145	3.016	IDA	CS	CQS	Q3/2012	6	Q1/2013	PMO Monre	Trước	Trọn gói	
3	C2-TV-3	Tư vấn thiết kế, lập đặt thiết bị KTTV, hệ thống thông tin máy tính và mô hình dự báo, dự toán phần thiết bị	20	416	IDA	CS	CQS	Q3/2012	5	Q4/2012	PMO Monre	Sau	Trọn gói	
4	C2-TV-4	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	18	374	IDA	CS	CQS	Q1/2013	2	Q1/2013	PMO Monre	Sau	Trọn gói	
5	C2-TV-5	Chuyên gia hỗ trợ về thực hiện và quản lý dự án	360	7.488	IDA	CS	CQS	Q1/2013	48	Q4/2017	PMO Monre	Trước	Trọn gói	
6	C2-TV-6	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	7	146	IDA	CS	CQS	Q3/2013	2	Q3/2013	PMO Monre	Sau	Trọn gói	

TT	Re, N	Tên gói thầu	Dự toán		Nguồn vốn	Loại	Phương pháp đấu thầu	Ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Đơn vị tổ chức đấu thầu	Xem xét của WB	Loại HD	Ghi chú
			1000 USD	Triệu VND										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
7	C2-TV-7	Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp thiết bị	14	291	IDA	CS	CQS	Q1/2014	2	Q1/2014	PMO Monre	Sau	Trọn gói	
8	C2-TV-8	Giám sát thi công xây dựng	125	2.600	IDA	CS	CQS	Q3/2013	16	Q4/2014	PMO Monre	Sau	Trọn gói	
9	C2-TV-9	Giám sát lắp đặt thiết bị	45	936	IDA	CS	CQS	Q1/2014	39	Q2/2017	PMO Monre	Sau	Trọn gói	
10	C2-XL-1	Xây dựng mạng lưới quan trắc và hệ thống dự báo, cảnh báo sớm cho các Đài KTTV ở khu vực miền Trung (Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ)	7.522	156.458	IDA	W	NCB	Q3/2013	16	Q4/2014	PMO Monre	Trước	Đơn giá	
11	C2-XL-2	Xây dựng mạng lưới quan trắc và hệ thống dự báo, cảnh báo sớm cho Đài KTTV khu vực Nam Bộ	730	15.184	IDA	W	NCB	Q3/2013	10	Q3/2014	PMO Monre	Trước	Đơn giá	
12	C2-TB-1	Hỗ trợ kỹ thuật cho thiết kế hệ thống dự báo và cảnh báo sớm; hỗ trợ cải tiến mô hình, phần mềm dự báo cho Trung tâm dự báo KTTV Trung ương và các Đài KTTV khu vực miền Trung và Nam Bộ; Tăng cường khả năng ứng dụng sản phẩm và thông tin dự báo, cảnh báo	3.770	78.416	IDA	G	ICB	Q1/2014	10	Q4/2014	PMO Monre	Trước	Đơn giá	
13	C2-TB-2	Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống tính toán cho Trung tâm dự báo KTTV Trung ương; Nâng cấp hệ thống máy tính, phần mềm, thiết bị hỗ trợ cho các Đài KTTV khu vực và Trung tâm KTTV tỉnh; Nâng cấp mạng lưới thông tin (kết nối giữa Trung tâm KTTV tỉnh, Đài KTTV khu vực với Trung tâm Dự báo KTTV Trung	6.056	125.965	IDA	G	ICB	Q1/2014	12	Q1/2015	PMO Monre	Trước	Đơn giá	
III	C	<u>Hợp phần 3: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng</u>	4.880	95.264										
1	C3-1	Phát triển tài liệu kỹ thuật (phục vụ CBDRM và phòng chống lụt bão của xã)	190	3.952	IDA	CS	CQS	Q1/2013	4	Q1/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
2	C3-2	Tư vấn đào tạo về CBDRM	190	3.952	IDA	CS	CQS	Q4/2012	24	Q4/2014	CPMO	Sau	Trọn gói	
3	C3-3	Các tư vấn cá nhân hỗ trợ kỹ thuật các tỉnh	500	10.400	IDA	CS	IC	Q4/2012	24	Q4/2014	PPPMUs	TBD	Trọn gói	Gói thầu xác định sau
4	C3-4	Hỗ trợ các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng các tỉnh	800	16.640	IDA	TR	SOE	Q4/2012	18	Q2/2014	PPPMUs	TBD	Trọn gói	
5	C3-5	Hỗ trợ các hoạt động lập kế hoạch an toàn làng xã	500	10.400	IDA	TR	SOE	Q4/2012	18	Q2/2014	PPPMUs	Trước	Trọn gói	
6	C3-6	Tuyên chọn tư vấn thiết kế công trình QLTT quy mô nhỏ	400	8.320	IDA	CS	CQS	Q3/2012	6	Q1/2014	PPPMUs	TBD	Trọn gói	Gói thầu xác định sau
7	C3-7	Thi công các công trình QLTT quy mô nhỏ tại các tỉnh	2.000	41.600	IDA	W	NCB	Q1/2014	6	Q3/2014	PPPMUs	Sau	Trọn gói	
8	C3-8	Các gói thầu khác theo yêu cầu công việc	300	6.240	TBD	TBD	TBD	Q4/2012	24	Q4/2014	TBD	TBD	TBD	Gói thầu xác định sau
IV	D	<u>Hợp phần 4: Hỗ trợ đầu tư giảm thiểu rủi ro thiên tai cho các tiêu chí an ninh</u>	31.883	663.169										
I		Tu bổ, nâng cấp, xử lý các điểm trọng yếu đê tả sông Cầu Chày, huyện Yên Định (đoạn từ K0 - K42)	11.256	234.131										
1	C4-TH-1	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và lắp đặt thiết bị	106	2.210	IDA	CS	CQS	Q4/2011	24	Q4/2013	PPMU T.Hóa	Trước	Trọn gói	
2	C4-TH-2	Đê và công trình trên đê đoạn từ K0-K11+500	1.628	33.853	IDA	W	NCB	Q2/2013	24	Q2/2015	PPMU T.Hóa	Trước	Đơn giá	
3	C4-TH-3	Đê và công trình trên đê đoạn từ K11+500-K19	1.625	33.806	IDA	W	NCB	Q2/2013	24	Q2/2015	PPMU T.Hóa	Sau	Đơn giá	
4	C4-TH-4	Đê và công trình trên đê đoạn từ K19- K26	1.933	40.216	IDA	W	NCB	Q2/2013	24	Q2/2015	PPMU T.Hóa	Sau	Đơn giá	
5	C4-TH-5	Đê và công trình trên đê đoạn từ K26-K33+894	1.927	40.083	IDA	W	NCB	Q2/2013	24	Q2/2015	PPMU T.Hóa	Sau	Đơn giá	
6	C4-TH-6	Đê và công trình trên đê đoạn từ K33+894-K42	1.928	40.109	IDA	W	NCB	Q2/2013	24	Q2/2015	PPMU T.Hóa	Sau	Đơn giá	
7	C4-TH-7	Trạm bơm Yên Phù và các đường CHCN trên tuyến	1.753	36.453	IDA	W	NCB	Q2/2013	24	Q2/2015	PPMU T.Hóa	Sau	Đơn giá	

TT	Re. N	Tên gói thầu	Dự toán		Nguồn vốn	Loại	Phương pháp đấu thầu	Ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Đơn vị tổ chức đấu thầu	Xem xét của WB	Loại HD	Ghi chú
			1000 USD	Triệu VND										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
8	C4-TH-8	Rà phá bom mìn, vật nổ	77	1.600	GOV	W	GOV	Q3/2012	4	Q4/2012	PPMU T.Hóa		Đơn giá	
9	C4-TH-9	Bảo hiểm công trình	111	2.301	GOV		SH	Q4/2012	36	Q4/2015	PPMU T.Hóa		Trọn gói	
10	C4-TH-10	Khảo sát môi ảm hoa dê	24	500	GOV		GOV	Q3/2012	2	Q4/2012	PPMU T.Hóa		Đơn giá	
11	C4-TH-11	Xử lý môi ảm hoa dê	144	3.000	IDA		NCB	Q4/2012	6	Q2/2012	PPMU T.Hóa	Sau	Đơn giá	
<b>II</b>			<b>Nâng cấp tuyến đê Lương Yên Khai, Thanh Chương - Nghê An</b>	<b>2.128</b>	<b>44.263</b>									
1	C4-NA-LYK-1	Sửa chữa, nâng cấp đê và công trình trên đê, đoạn từ Km3+262.66 đến Km5+23.29	1.004	20.885	IDA	W	NCB	Q4/2012	12	Q4/2013	PPMU N.An	Trước	Đơn giá	
2	C4-NA-LYK-2	Sửa chữa, nâng cấp đê và công trình trên đê, đoạn từ Km5+23.29 đến Km6+133.1	1.088	22.625	IDA	W	NCB	Q4/2012	12	Q4/2013	PPMU N.An	Sau	Đơn giá	
3	C4-NA-LYK-3	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình	36	753	IDA	CS	NCB	Q4/2012	12	Q4/2013	PPMU N.An	Trước	Sau	
<b>III</b>			<b>Cầu kết hợp tràn nối đường cầu hộ cứu nạn xã Nghi Thái huyện Nghi Lộc và xã Hưng Hòa, thành phố Vinh</b>	<b>1.416</b>	<b>29.453</b>									
1	C4-NA-NTHH-1	Cầu kết hợp tràn nối đường cầu hộ, cứu nạn xã Nghi Thái huyện Nghi Lộc và xã Hưng Hòa thành phố Vinh	1.391	28.925	IDA	W	NCB	Q4/2012	12	Q4/2013	PPMU N.An	Trước	Đơn giá	
2	C4-NA-NTHH-2	Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình	25	528	IDA	CS	CQS	Q4/2012	12	Q4/2013	PPMU N.An	Trước	Trọn gói	
<b>IV</b>			<b>Nâng cấp tuyến đê Phúc Long Nhượng, huyện Cẩm Xuyên</b>	<b>9.850</b>	<b>204.878</b>									
1	C4-HT-PLN-1	Nâng cấp tuyến đê Phúc - Long - Nhượng đoạn từ K0+00 đến K3+159 - ký hiệu: PLN/PMU/XL1/2012	1.667	34.681	IDA	W	NCB	Q4/2012	24	Q1/2015	PPMU H.Tĩnh	Trước	Đơn giá	
2	C4-HT-PLN-2	Nâng cấp tuyến đê Phúc - Long - Nhượng đoạn từ K3+159 đến K5+803 - ký hiệu: PLN/PMU/XL2/2012	1.656	34.437	IDA	W	NCB	Q4/2012	24	Q1/2015	PPMU H.Tĩnh	Sau	Đơn giá	
3	C4-HT-PLN-3	Nâng cấp tuyến đê Phúc - Long - Nhượng đoạn từ K5+803 đến K7+323 - ký hiệu: PLN/PMU/XL3/2012	1.460	30.365	IDA	W	NCB	Q4/2012	24	Q1/2015	PPMU H.Tĩnh	Sau	Đơn giá	
4	C4-HT-PLN-4	Nâng cấp tuyến đê Phúc - Long - Nhượng đoạn từ K7+323 đến Km8+637 - ký hiệu: PLN/PMU/XL4/2012	1.466	30.495	IDA	W	NCB	Q4/2012	24	Q1/2015	PPMU H.Tĩnh	Sau	Đơn giá	
5	C4-HT-PLN-5	Nâng cấp tuyến đê Phúc - Long - Nhượng đoạn từ K8+637 đến Km9+749 - ký hiệu: PLN/PMU/XL5/2012	1.597	33.221	IDA	W	NCB	Q4/2012	24	Q1/2015	PPMU H.Tĩnh	Sau	Đơn giá	
6	C4-HT-PLN-6	Nâng cấp tuyến đê Phúc - Long - Nhượng đoạn từ Km9+923 đến DC - ký hiệu: PLN/PMU/XL6/2012	1.903	39.581	IDA	W	NCB	Q4/2012	24	Q1/2015	PPMU H.Tĩnh	Sau	Đơn giá	
7	C4-HT-PLN-7	Tư vấn giám sát thi công	101	2.099	IDA	CS	CQS	Q4/2012	26	Q1/2015	PPMU H.Tĩnh	Trước	Trọn gói	
<b>V</b>			<b>Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Thạch Bàn, huyện Duy Xuyên</b>	<b>4.399</b>	<b>91.508</b>									
1	C4-QNA-TB-1	Lập kế hoạch ứng phó khẩn cấp EPP	58	1.200	IDA	CS	CQS	Q4/2012	5	Q1/2013	PPMU Q.Nam	Trước	Trọn gói	
2	C4-QNA-TB-2	Giám sát thi công xây dựng	62	1.286	GOV	CS	GOV	Q4/2012	24	Q4/2014	PPMU Q.Nam		Tỷ lệ %	
3	C4-QNA-TB-3	Đập chính	1.881	39.116	IDA	W	NCB	Q4/2012	24	Q4/2014	PPMU Q.Nam	Trước	Trọn gói	
4	C4-QNA-TB-4	Đập phụ số 1, 2, 3, 4; đường quản lý số 1, 2, 3, 4; công lấp nước; hạ lưu công lấp nước; nhà quản lý; hệ thống điện; dân dorp thi công	1.519	31.589	IDA	W	NCB	Q4/2012	24	Q4/2014	PPMU Q.Nam	Sau	Đơn giá	
5	C4-QNA-TB-5	Tràn xã lũ, cầu qua tràn, đập phụ số 5	755	15.697	IDA	W	NCB	Q4/2012	24	Q4/2014	PPMU Q.Nam	Sau	Đơn giá	
6	C4-QNA-TB-6	Xử lý môi	97	2.021	IDA	W	SH	Q4/2012	3	Q1/2013	PPMU Q.Nam	Sau	Đơn giá	
7	C4-QNA-TB-7	Rà phá bom mìn	29	600	GOV	W	GOV	Q4/2012	1	Q4/2012	PPMU Q.Nam	Sau	Đơn giá	
<b>VI</b>			<b>Nâng cấp kè chống xói lở bờ sông Côn đâm bảo an toàn huyện An Nhơn và Tuy Phước</b>	<b>2.187</b>	<b>45.499</b>									
1	C4-BD-SC-1	Giám sát thi công xây dựng	36	746	IDA	CS	CQS	Q4/2012	18	Q2/2014	PPMU B.Định	Sau	Trọn gói	
2	C4-BD-SC-2	Đê Sông Ngheo	594	12.363	IDA	W	NCB	Q4/2012	18	Q2/2014	PPMU B.Định	Sau	Đơn giá	
3	C4-BD-SC-3	Đê Tân Dân - Tân Dương	617	12.830	IDA	W	NCB	Q4/2012	18	Q2/2014	PPMU B.Định	Sau	Đơn giá	

TT	Re. N	Tên gói thầu	Dự toán		Nguồn vốn	Loại	Phương pháp đấu thầu	Ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Đơn vị tổ chức đấu thầu	Xem xét của WB	Loại HD	Ghi chú
			1000 USD	Triệu VND										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
4	C4-BD-SC-4	Đê Tháng Công	409	8.499	IDA	W	NCB	Q4/2012	18	Q2/2014	PPMU B.Định	Sau	Đơn giá	
5	C4-BD-SC-5	Đê hạ lưu cầu Bà Di	508	10.569	IDA	W	NCB	Q4/2012	18	Q2/2014	PPMU B.Định	Sau	Đơn giá	
6	C4-BD-SC-6	Rà phá bom mìn	24	492	GOV	W	GOV	Q3/2012	5	Q4/2012	PPMU B.Định		Đơn giá	
	VII	Các nội dung khác	646	13.437										
1	C4-GN-1	Chuyên gia trong nước hỗ trợ chuẩn bị báo cáo Đánh giá tác động môi trường cho các TDA giai đoạn 2	48	998	IDA	CS	IC	Q4/2012	16	Q2/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
2	C4-GN-2	Chuyên gia trong nước hỗ trợ chuẩn bị báo cáo Đánh giá Xã hội cho các TDA giai đoạn 2	48	998	IDA	CS	IC	Q4/2012	16	Q2/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
3	C4-GN-3	Các chuyên gia an toàn đập	550	11.440	IDA	CS	IC	Q4/2012	72	Q4/2018	CPMO	Trước	Thời gian	
4	C4-GN3	Các gói thầu khác theo yêu cầu công việc			TBD	TBD	TBD	TBD	TBD	TBD	TBD	TBD	TBD	TBD
E		Hợp phần 5: Hỗ trợ quản lý và thực hiện dự án	2.889	60.091										
1	C5-1	Đội trưởng đội tư vấn hỗ trợ kỹ thuật	720	14.976	IDA	CS	IC	Q1/2013	72	Q1/2019	CPMO	Trước	Thời gian	
2	C5-2	Các chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật	375	7.800	IDA	CS	IC	Q4/2012	75	Q1/2019	CPMO	Sau	Theo thời gian	
3	C5-3	Thiết kế hệ thống M&E	60	1.248	IDA	CS	CQS	Q4/2012	4	Q1/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
4	C5-4	Triển khai hệ thống M&E	450	9.360	IDA	CS	QCBS	Q1/2013	72	Q1/2019	CPMO	Trước	Trọn gói	
5	C5-5	Thu thập dữ liệu cơ sở	40	832	IDA	CS	CQS	Q4/2012	4	Q1/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
6	C5-6	Thiết bị văn phòng cho CPO và đội TA	49	1.019	IDA	G	SH	Q4/2012	3	Q4/2012	CPMO	Sau	Trọn gói	
7	C5-7	Thiết bị văn phòng cho các tỉnh giai đoạn 1	195	4.056	IDA	G	SH	Q4/2012	3	Q4/2012	CPMO	Sau	Trọn gói	
8	C5-8	Thiết bị văn phòng cho các tỉnh giai đoạn 2	195	4.056	IDA	G	SH	Q4/2013	3	Q4/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
9	C5-9	Thuê văn phòng cho đội TA	150	3.120	IDA	OC	SOE	Q1/2013	72	Q1/2019	CPMO	Sau	Trọn gói	
10	C5-10	Chi phí làm mới lại văn phòng của CPMO	25	520	IDA	OC	SOE	Q4/2012	4	Q1/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
11	C5-11	Tập huấn về thực hiện dự án (2 khóa)	46	957	IDA	TR	SOE	Q1/2013	3	Q2/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
12	C5-12	Tập huấn về đấu thầu (2 khóa)	46	957	IDA	TR	SOE	Q1/2013	3	Q2/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
13	C5-13	Tập huấn về quản lý tài chính (2 khóa)	46	957	IDA	TR	SOE	Q1/2013	3	Q2/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
14	C5-14	Tập huấn về quản lý dự án	46	957	IDA	TR	SOE	Q1/2013	3	Q2/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
15	C5-15	Tập huấn về M&E (2 khóa)	46	957	IDA	TR	SOE	Q1/2013	2	Q2/2013	CPMO	Sau	Trọn gói	
16	C5-16	Các gói thầu khác theo yêu cầu công việc	400	8.320	TBD	TBD	TBD	TBD	TBD	TBD	TBD	TBD	TBD	Gói thầu xác định sau

Tùy ý tắt: CBDRM = Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, CPO = Ban Quản lý trung ương các dự án Thủy lợi, CPMO = Ban quản lý dự án, CQS = Lựa chọn trên cơ sở năng lực tư vấn, CS = Các dịch vụ tư vấn, DC = Ký hợp đồng trực tiếp, DDMFSC = Cục Đề điều & PCLB, G = hàng hóa, Gov = Các thủ tục Chính phủ, IC = tư vấn cá nhân, ICB = Đầu thầu cạnh tranh Quốc tế, IDA = Hiệp hội Phát triển Quốc tế, LCS = Lựa chọn trên cơ sở giá thấp nhất, NCB = Đầu thầu cạnh tranh trong nước, NCS = các dịch vụ phi tư vấn, N/A = không áp dụng, OC = chi phí vận hành, PCU = đơn vị điều phối dự án, PMU = đơn vị quản lý dự án, PPMU = đơn vị quản lý dự án của tỉnh, QCBS = lựa chọn trên cơ sở chi phí và chất lượng, SH = mua sắm, SOE = báo cáo chi tiêu, SSS= lựa chọn từ một nguồn duy nhất (chỉ định thầu), TBD = sẽ được xác định sau, TR = đào tạo, W = hạng mục xây lắp

**Dự án “Quản lý thiên tai” (WB5/VN-Haz)**

**PHẦN IV. Tổng mức đầu tư**

(Kèm theo quyết định số: 1370 /QĐ-BNN-HTQT ngày 11 tháng 6 năm 2012)

TT	Nội dung đầu tư	Tính theo USD			Tính theo 1000VND (1USD=21.000 VND)		
		Vốn vay WB	Vốn đối ứng	Tổng cộng	Vốn vay WB	Vốn đối ứng	Tổng cộng
	<b>Hợp phần 1:</b> Tăng cường thể chế, hệ thống thông tin và quy hoạch trong Quản lý rủi ro thiên tai (DRM)	5.500.000		5.500.000	115.500.000		115.500.000
	<b>Hợp phần 2:</b> Tăng cường dự báo thời tiết và hệ thống cảnh báo sớm	27.500.000	2.500.000	30.000.000	577.500.000	52.500.000	630.000.000
	<b>Hợp phần 3:</b> Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	18.500.000	1.000.000	19.500.000	388.500.000	21.000.000	409.500.000
	<b>Hợp phần 4:</b> Đầu tư giảm nhẹ rủi ro thiên tai	92.500.000	24.500.000	117.000.000	1.942.500.000	514.500.000	2.457.000.000
	<b>Hợp phần 5:</b> Quản lý Dự án, Giám sát và đánh giá	6.000.000	2.000.000	8.000.000	126.000.000	42.000.000	168.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>150.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>3.150.000.000</b>	<b>630.000.000</b>	<b>3.780.000.000</b>
<b>A</b>	<b>Hợp phần 1</b>	<b>5.500.000</b>		<b>5.500.000</b>	<b>115.500.000</b>		<b>115.500.000</b>
1	<i>Tăng cường thể chế và chính sách cho DRM</i>	2.870.000		2.870.000	60.270.000		60.270.000
2	<i>Nâng cấp hệ thống thông tin về DRM</i>	1.530.000		1.530.000	32.130.000		32.130.000
3	<i>Tích hợp DRM vào quy hoạch tổng hợp lưu vực sông</i>	1.100.000		1.100.000	23.100.000		23.100.000
<b>B</b>	<b>Hợp phần 2</b>	<b>27.500.000</b>	<b>2.500.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>577.500.000</b>	<b>52.500.000</b>	<b>630.000.000</b>
<b>C</b>	<b>Hợp phần 3</b>	<b>18.500.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>19.500.000</b>	<b>388.500.000</b>	<b>21.000.000</b>	<b>409.500.000</b>
1	<i>Tăng cường năng lực cấp xã</i>	2.995.000		2.995.000	62.895.000		62.895.000
2	<i>Đầu tư xây dựng công trình nhỏ</i>	8.790.000	1.000.000	9.790.000	184.590.000	21.000.000	205.590.000
3	<i>Đầu tư phi công trình (thiết bị, ...)</i>	5.905.000		5.905.000	124.005.000		124.005.000
4	<i>Hệ thống giám sát đánh giá M&amp;E</i>	650.000		650.000	13.650.000		13.650.000
5	<i>Hỗ trợ chi phí gia tăng</i>	160.000		160.000	3.360.000		3.360.000
<b>D</b>	<b>Hợp phần 4</b>	<b>92.500.000</b>	<b>24.500.000</b>	<b>117.000.000</b>	<b>1.942.500.000</b>	<b>514.500.000</b>	<b>2.457.000.000</b>

TT	Nội dung đầu tư	Tính theo USD			Tính theo 1000VND (1USD=21.000 VND)		
		Vốn vay WB	Vốn đối ứng	Tổng cộng	Vốn vay WB	Vốn đối ứng	Tổng cộng
1	Đầu tư công trình ưu tiên tỉnh Thanh Hóa	12.672.000	4.462.000	17.134.000	266.112.000	93.702.000	359.814.000
2	Đầu tư công trình ưu tiên tỉnh Nghệ An	14.682.000	2.951.000	17.633.000	308.322.000	61.971.000	370.293.000
3	Đầu tư công trình ưu tiên tỉnh Hà Tĩnh	13.501.000	3.439.000	16.940.000	283.521.000	72.219.000	355.740.000
4	Đầu tư công trình ưu tiên tỉnh Quảng Bình	5.034.000	1.059.000	6.093.000	105.714.000	22.239.000	127.953.000
5	Đầu tư công trình ưu tiên tỉnh Quảng Trị	5.616.000	1.398.000	7.014.000	117.936.000	29.358.000	147.294.000
6	Đầu tư công trình ưu tiên tỉnh Đà Nẵng	9.365.000	2.366.000	11.731.000	196.665.000	49.686.000	246.351.000
7	Đầu tư công trình ưu tiên tỉnh Quảng Nam	10.205.000	1.882.000	12.087.000	214.305.000	39.522.000	253.827.000
8	Đầu tư công trình ưu tiên tỉnh Quảng Ngãi	9.002.000	1.515.000	10.517.000	189.042.000	31.815.000	220.857.000
9	Đầu tư công trình ưu tiên tỉnh Bình Định	5.760.000	1.627.000	7.387.000	120.960.000	34.167.000	155.127.000
10	Đầu tư công trình ưu tiên tỉnh Ninh Thuận	5.663.000	3.801.000	9.464.000	118.923.000	79.821.000	198.744.000
11	Các nội dung khác do CPMO thực hiện	1.000.000		1.000.000	21.000.000		21.000.000
<b>E</b>	<b>Hợp phần 5</b>	<b>6.000.000</b>	<b>2.000.000</b>	<b>8.000.000</b>	<b>126.000.000</b>	<b>42.000.000</b>	<b>168.000.000</b>
1	Mua sắm ôtô, máy móc và thiết bị cho CPMO	330.000	30.000	360.000	6.930.000	630.000	7.560.000
2	Tư vấn giám sát thực hiện các chính sách an toàn	670.000		670.000	14.070.000		14.070.000
3	Hệ thống giám sát và đánh giá dự án	550.000		550.000	11.550.000		11.550.000
4	Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật thực hiện dự án	1.095.000		1.095.000	22.995.000		22.995.000
5	Đào tạo, hội thảo	660.000		660.000	13.860.000		13.860.000
6	Mua sắm ôtô, máy móc và thiết bị cho các PPMU	1.350.000	100.000	1.450.000	28.350.000	2.100.000	30.450.000
7	Chi quản lý dự án cho CPMO	275.000	550.000	825.000	5.775.000	11.550.000	17.325.000
8	Chi quản lý dự án các PPMU	920.000	1.320.000	2.240.000	19.320.000	27.720.000	47.040.000
9	Kiểm toán	150.000		150.000	3.150.000		3.150.000

(Ghi chú: Đã bao gồm dự phòng, thuế và phí các loại)